

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/DS-PT

Ngày 26/5/2020

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thạo

2. Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên;

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Vũ Văn H - sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm A, xã B, thành phố C, Tuyên Quang. Do ông Dương Đình V - sinh năm 1966

Nơi cư trú: khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo ủy quyền. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu x, thị trấn y, huyện Z, Bắc Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu x, thị trấn y, huyện Z, Bắc Giang;

- Bà Dương Thị H - sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: khu x, thị trấn y, huyện Z, Bắc Giang (vắng mặt)

Do ông Dương Đình V - sinh năm 1966

Nơi cư trú: khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo ủy quyền (có mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Đỗ Văn Th – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z, đại diện theo ủy quyền (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang do ông Giáp Văn T – Công chức địa chính – xây dựng thị trấn Y, đại diện theo ủy quyền (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị H là ông Dương Đình V trình bày:

Ngày 17/6/2013, em của ông là bà Dương Thị H và ông Vũ Văn H được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ đối với lô đất số 27, thửa số 327, tờ bản đồ số 05, diện tích 88m² tại khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, sơ đồ thửa đất có hai cạnh giáp hộ liền kề đều dài 11m, hai cạnh trước và sau đều dài 8m. Tuy nhiên thực tế hiện nay cạnh phía sau (giáp ruộng nước) của thửa đất chỉ có chiều dài 7,32m. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn T đã xây nhà lấn chiếm sang đất của ông H. Nay, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y buộc vợ chồng anh T phải tháo dỡ phần nhà lấn chiếm để trả lại cho ông H bà H diện tích đã lấn chiếm 3,7m² tại lô đất số 27, thửa số 327, tờ bản đồ số 05, diện tích 88m² tại khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang.

- Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2015, anh mua thửa đất số 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88m² tại khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang. Tại Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 26/6/2015, Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H. Năm 2017, gia đình anh xây nhà trên đất. Trước khi xây nhà đã xin phép và được UBND huyện Y cấp giấy phép xây dựng số 52 ngày 17/5/2017. Ngày 08/6/2017, anh đã mời ông P là cán bộ địa chính – xây dựng của UBND thị trấn Y ra thửa đất để cắm mốc xác định vị trí thửa đất cho anh phát quang cỏ. Ngày 13/6/2017, anh mời ông P về xác định vị trí để anh khoan giếng. Ngày 26/6/2017, anh lại mời ông P đến đo đạc, cắm mốc để anh cuốc móng nhưng do lô đất quá chéo nên ông P không giao đất và yêu cầu anh gọi cả Trung tâm pháp triển quỹ đất cùng giao đất. Ngày 30/6/2017, anh mời ông P và ông H là Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Y đến đo đạc, xác định vị trí cho anh xây dựng nhà. Ngày 01/7/2017, anh khởi công đào móng nhà, có ông P giám sát. Đến ngày 15/7/2017, anh hoàn trả mặt bằng móng, có đoàn kiểm tra về kiểm tra đo đạc công trình không có sai phạm gì. Sau đó gia đình anh tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng nhà.

Ngày 03/4/2018, anh nhận được giấy mời làm việc của UBND thị trấn Y để giải quyết đơn thư của hộ dân khác, anh được thông báo là lô đất của anh (lô 26) lệch gần 0,5m phía sau nhà. Ngày 01/10/2018, ông Vũ Văn H (chủ lô 27) có đơn khởi kiện gia đình anh lấn chiếm đất của ông H 06 m². Anh khẳng định diện tích đất nhà anh là 88 m² như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

- *Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án, người có quyền lời nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày như anh T đã trình bày.*

- *Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang là ông Đỗ Văn T - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Y trình bày:*

Về trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho anh T và chị H, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện thấy: Ngày 04/6/2015 ông Tô Xuân T và bà Bạch Thị M chuyển nhượng QSD đất đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất khu X, thị trấn Y cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được Văn phòng công chứng Nguyễn Tư K chứng thực ngày 04/6/2015.

Ngày 04/6/2015, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Cùng ngày UBND thị trấn Cao Thượng xác nhận anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Ngày 11/6/2015, Văn phòng Đăng ký QSD đất huyện thẩm tra đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Ngày 17/6/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Đến ngày 26/6/2015, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m².

Nguồn gốc sử dụng đất của ông Vũ Văn H và bà Dương Thị H đối với thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05 thị khu X, thị trấn Y có nguồn gốc là do Nhà nước giao đất từ năm 2013 (trúng đấu giá quyền sử dụng đất)

Ngày 07/6/2013, bà Dương Thị H có đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Ngày 10/6/2013, UBND thị trấn Cao Thượng xác nhận đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m² cho bà Dương Thị H và ông Vũ Văn H. Ngày 14/6/2013, Văn phòng Đăng ký QSD đất huyện thẩm tra đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất cho bà

Dương Thị H và ông Vũ Văn H đối với thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Ngày 17/6/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm định và đề nghị UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất cho bà Dương Thị H và ông Vũ Văn H đối với thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m². Cùng ngày bà Dương Thị H và ông Vũ Văn H được UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp 88 m²

Việc cấp Giấy CNQSD đất cho ông Vũ Văn H, bà Dương Thị H đối với thửa 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m² và anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đối với thửa 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05, diện tích 88 m² và được thực hiện đúng quy định. Việc giao đất cho hộ ông H và hộ ông Th đúng vị trí, kích thước theo sơ đồ phân lô, giao đủ diện tích, trường hợp ông Nguyễn Văn T sử dụng đất không đúng ranh giới, xây dựng công trình lấn sang nhà ông Vũ Văn H thì phải tháo dỡ phần diện tích xây lấn hoặc tự thỏa thuận với hộ ông H để xử lý nội dung này.

- *Tại bản tự khai và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là ông Giáp Văn Tuyết - Công chức địa chính - xây dựng thị trấn Y* trình bày về nguồn gốc, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H, vợ chồng anh T như đại diện Ủy ban nhân dân huyện Y đã trình bày. Ngoài ra, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Y còn trình bày: Ủy ban nhân dân thị trấn Y thực hiện chức năng quản lý đất đai theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UB ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định một số nội dung về kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Qua kiểm tra, cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn thấy anh T xây đúng giấy phép xây dựng về kết cấu, tầng, văng... Còn vị trí xây thì không kiểm tra. Cũng không có văn bản nào thể hiện cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn chỉ vị trí cho ông T xây nhà nên việc ông T xây sai vị trí là lỗi của ông T.

Với nội dung trên; Tòa án nhân dân huyện Y đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H đối với anh Nguyễn Văn T.

- Giao cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 3,7m² đất tại thửa số 327 (lô 27), tờ bản đồ số 5 tại khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang gồm các cạnh: AB dài 11m; BC dài 0,70m; AC dài 11,13m (có sơ đồ kèm theo).

- Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho ông Vũ Văn H và bà Dương Thị H trị giá 3,7m² đất là 33.633.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/12/2019 Ông Vũ Văn H do ông Dương Đình V đại diện theo ủy quyền có đơn kháng cáo bản án số 33 ngày 19/11/2019 của TAND huyện Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Đại diện cho Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích là 3,7 m² đất do bị đơn xây nhà lấn chiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX Áp dụng: khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận và xét kháng cáo của Nguyên đơn, HĐXX nhận định:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng hai thửa đất tranh chấp:

- Nguồn gốc thửa đất số 327 (lô 27), tờ bản đồ số 05 khu Đình Giã, thị trấn Y của ông Vũ Văn H và bà Dương Thị H là do nhà nước giao đất sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất năm 2013. Ngày 17/6/2013, ông H và bà H đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này, diện tích được cấp là 88m², chiều rộng phía trước và sau đều là 08m, chiều dài hai cạnh bên đều là 11m.

- Nguồn gốc thửa đất số 326 (lô 26), tờ bản đồ số 05 khu X, thị trấn Y của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Tô Xuân T và bà Bạch Thị M năm 2015. Ngày 26/6/2015, anh T và chị H đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này, diện tích được cấp là 88m², chiều rộng phía trước và sau đều là 08m, chiều dài hai cạnh bên đều là 11m.

Về diện tích đất tranh chấp: Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng hai thửa đất và đối chiếu với bản đồ đã được cấp GCNQSD đất cho hai hộ thì thấy phần đất anh T chị H đang sử dụng chồng lấn sang thửa số 327 (lô 27) thuộc quyền sử dụng của ông H bà H. Cụ thể tại phần giáp ranh giữa hai thửa: phía trước giáp đường đi, anh T chị H xây đúng vị trí không lấn sang lô 27; phía sau giáp mương nước, anh T chị H xây nhà

lấn 70cm sang lô 27, diện tích phần lấn chiếm là $3,7m^2$ (có sơ đồ kèm theo). Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận, anh T chị H đã lấn chiếm của ông H bà H $3,7m^2$ đất tại thửa số 327 (lô 27), tờ bản đồ số 5 tại khu X, thị trấn X; diện tích đất này hiện tại đang nằm trong phần diện tích của ngôi nhà đã xây kiên cố (3 tầng) của gia đình anh T chị H. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh H, giao cho anh T, chị H được sử dụng $3,7m^2$ đất lấn chiếm; buộc anh T, chị H phải trả cho anh H, chị H $3,7m^2$ đất tranh chấp trị giá 33.633.000 đồng là có căn cứ.

Xét về yêu cầu trả đất của nguyên đơn:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định được, phần đất $3,7m^2$ lấn chiếm trị giá $3,7m^2 \times 9.090.000\text{đồng}/m^2 = 33.633.000\text{đồng}$. Anh T chị H đã xây nhà 3 tầng trị giá 1.234.612.000đồng lấn vào toàn bộ $3,7m^2$ này. Theo anh T chị H thì anh chị đã được cấp giấy phép xây dựng đúng quy định. Trước khi xây dựng đã có cán bộ địa chính thị trấn Y (cụ thể là ông Phong) và cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Y (cụ thể là ông H) ra cắm mốc. Anh chị đã xây đúng vị trí được cắm nên anh chị không có lỗi. Tuy nhiên, khi cán bộ cắm vị trí cho anh T xây thì không lập văn bản nên không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của anh T chị H. Qua làm việc, ông H không thừa nhận đã cắm vị trí cho anh T xây nhà, ông P thì trình bày đã cắm đúng vị trí của thửa số 326 (lô 26). Bản thân anh T thừa nhận, ngày 26/6/2017 anh đã phát hiện vị trí xây nhà chéo không đúng quy định nhưng anh vẫn xây nhà theo vị trí này nên anh là người có lỗi trong việc xây nhà lấn sang thửa 327 (lô 27) của ông H. Tuy nhiên, gần toàn bộ bức tường cạnh bên trái dài 11,13m của căn nhà đã xây trên phần đất lấn chiếm. Tường nhà xây 20 có đổ khung bê tông cốt thép, bên dưới là móng 30 cm, dưới cùng là móng 1,2m. ở góc sau bên trái của ngôi nhà đã lấn sang lô 27 là 70cm, toàn bộ phần tường phía sau bên trái đã nằm trên phần đất của lô 27. Do vậy, nếu buộc tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu công trình nhà 3 tầng, làm thiệt hại lớn cho vợ chồng anh T nên HĐXX quyết định giao cho anh T chị H quyền sử dụng phần đất lấn chiếm $3,7m^2$ nhưng phải trả cho ông H, bà H trị giá phần đất này là 33.633.000đồng là hoàn toàn phù hợp.

Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản:

Tổng cộng đã chi phí hết 2.289.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên anh T phải chịu toàn bộ chi phí này. Ông V là người đại diện của ông H đã tạm ứng chi phí, nay buộc anh T phải trả cho ông H do ông V đại diện số tiền 2.289.000 đồng.

Về án phí:

- Yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá tài sản tranh chấp là 33.633.000đồng x 5% = 1.681.650đồng.

- Trả lại ông Vũ Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H do ông V đại diện phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 BLTTDS; Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33 ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 175, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điểm d khoản 1 Điều 99, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H đối với anh Nguyễn Văn Thanh.

- Giao cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 3,7m² đất tại thửa số 327 (lô 27), tờ bản đồ số 5 tại khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bắc Giang gồm các cạnh: AB dài 11m; BC dài 0,70m; AC dài 11,13m (có sơ đồ kèm theo).

- Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho ông Vũ Văn H và bà Dương Thị H trị giá 3,7m² đất là 33.633.000đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản:

Anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Vũ Văn H do ông Dương Đình V đại diện số tiền 2.289.000 đồng chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.681.650đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Vũ Văn H do ông Dương Đình V đại diện số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002232 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Ông Vũ Văn H do ông Dương Đình V đại diện phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (xác nhận ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/0006088 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Y).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CTHADS tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Quyết